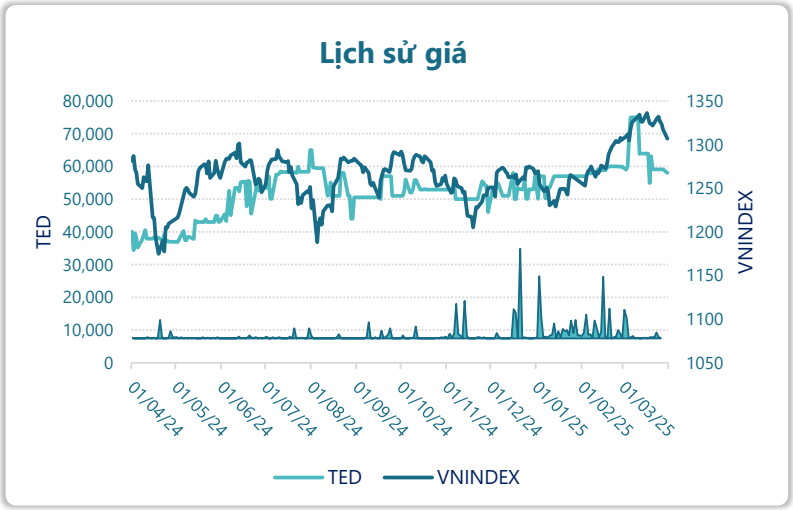
Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP (UPCOM: TED)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**58,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	75,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	34,393
SL cổ phiếu LH	12,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	250
% sở hữu nước ngoài	35.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	725
P/E	10.3
EPS	5,618

DT thuần

Q1/25

464

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.0| 3.2%

YoY: ▲ 41.0| 9.8%

LN sau thuế

Q1/25

36.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.20| 24.8%

YoY: ▲ 6.30| 21.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

8.2%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2024

1,362

tỷ VNĐ

YoY: ▼115| -7.8%

LN sau thuế

2024

86.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼10.7| -11.0%

ROE

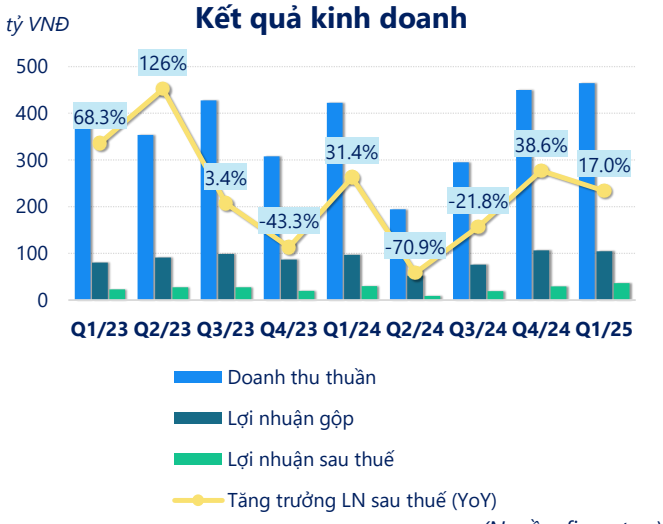
2024

18.0%

+/- YoY: ▼ 3.6%

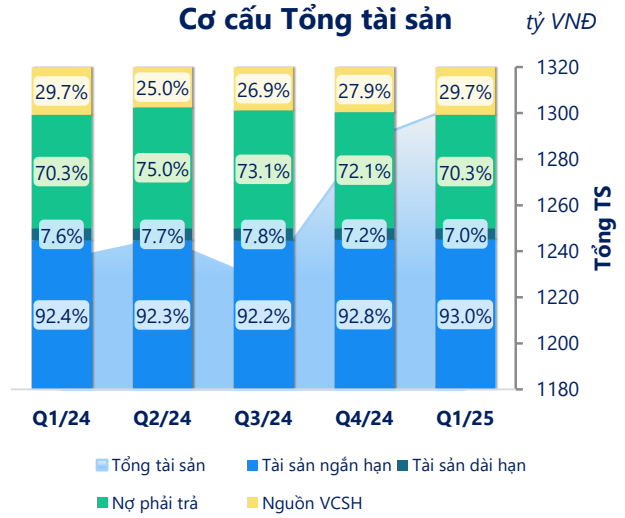
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



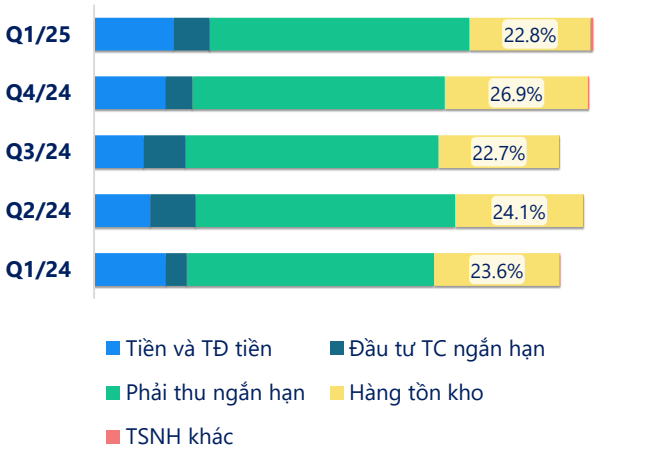
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



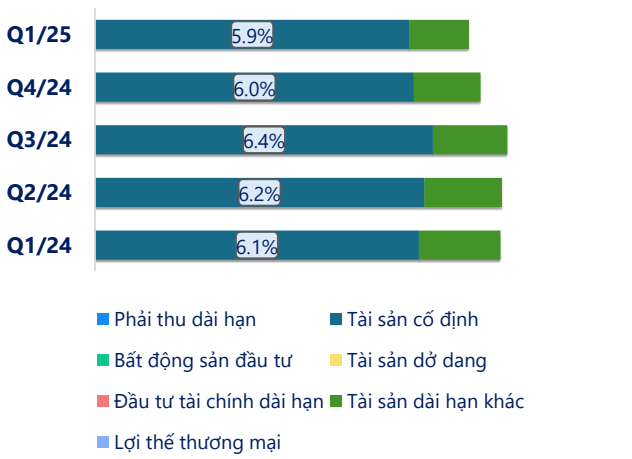
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



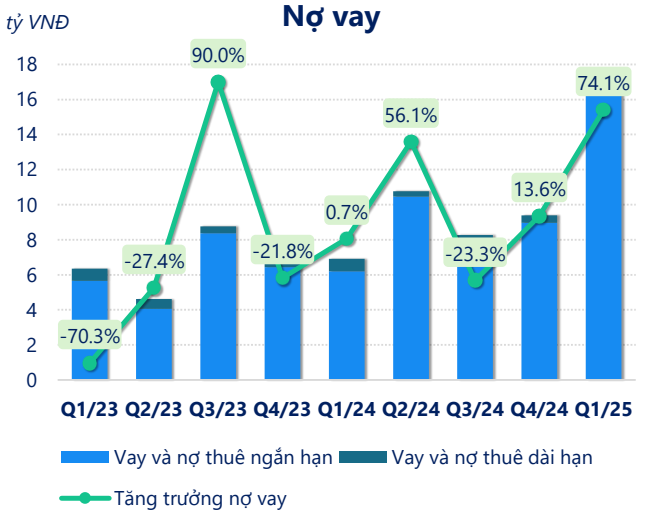
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



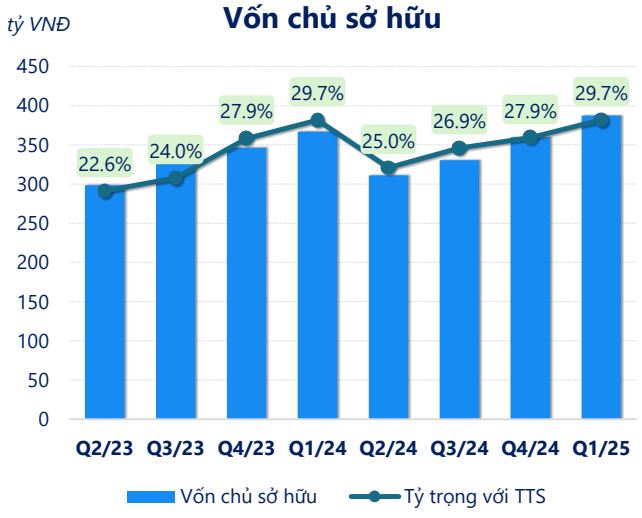
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



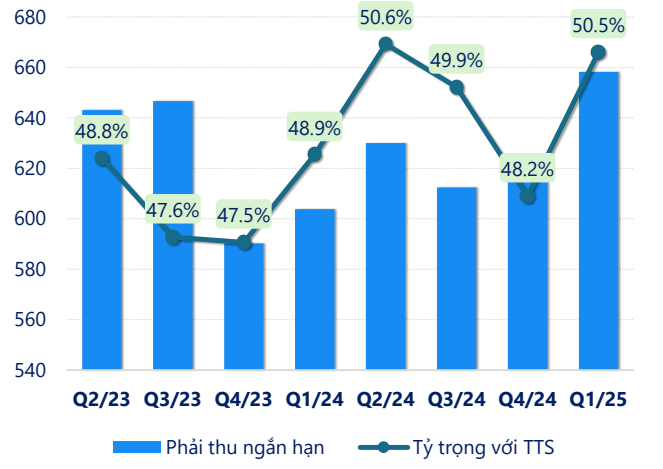
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



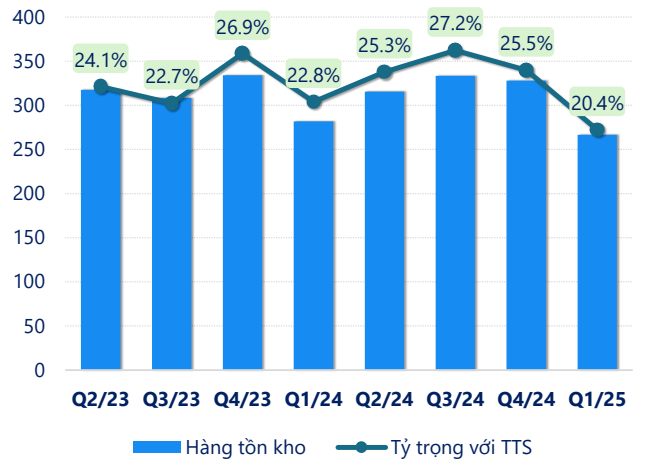
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



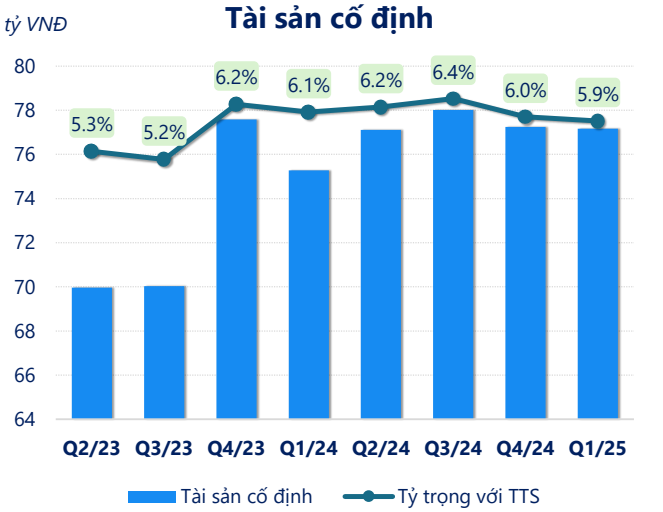
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



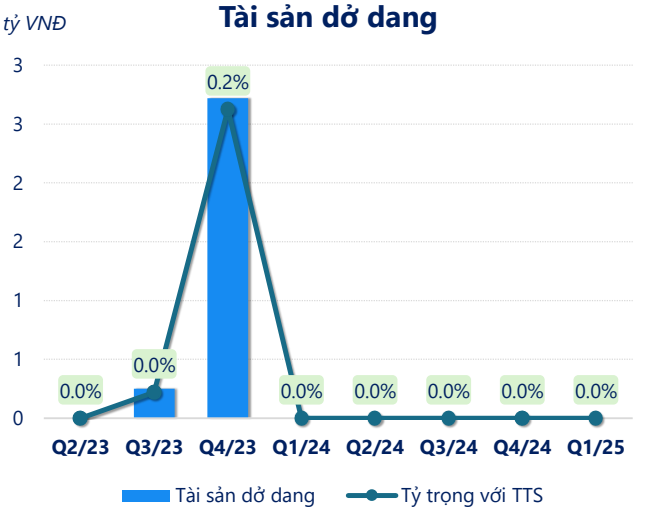
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



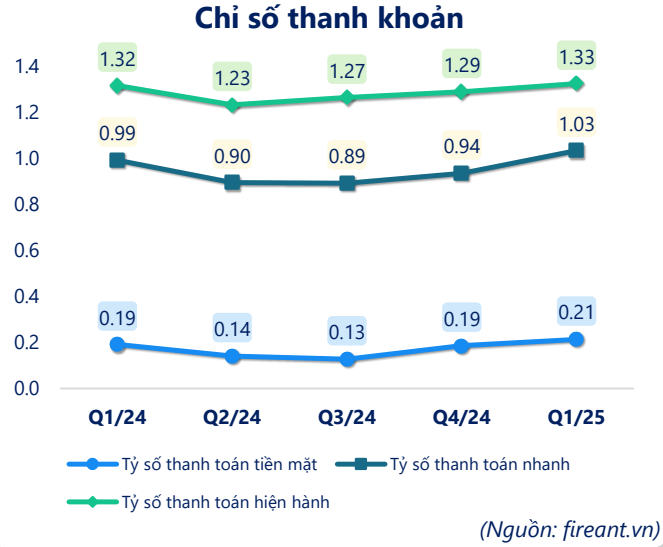
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



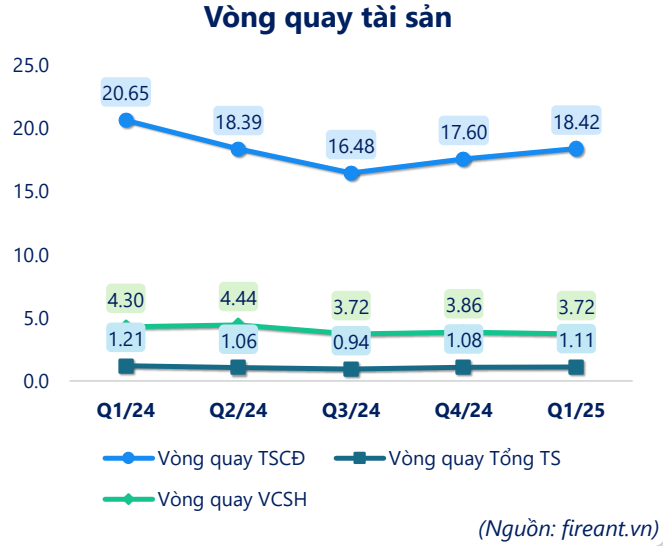
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,236**	**1,246**	**1,227**	**1,288**	**1,305**
Tài sản ngắn hạn	**1,142**	**1,150**	**1,132**	**1,194**	**1,213**
Tiền và tương đương tiền	166	132	114	173	195
Đầu tư tài chính ngắn hạn	83.7	67.7	67.7	67.8	87.6
Phải thu ngắn hạn	604	630	612	621	658
Hàng tồn kho	282	316	333	328	266
Tài sản ngắn hạn khác	6.25	5.28	4.36	4.77	5.33
Tài sản dài hạn	**94.3**	**95.3**	**95.2**	**93.3**	**91.8**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	75.3	77.1	78.0	77.2	77.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	19.0	18.2	17.1	16.1	14.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**869**	**935**	**897**	**928**	**917**
Nợ ngắn hạn	**867**	**933**	**895**	**926**	**915**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.19	10.5	7.79	8.97	16.3
Phải trả người bán ngắn hạn	66.9	69.9	74.4	85.1	80.8
Nợ dài hạn	2.26	1.95	2.06	2.11	2.09
Vay và nợ thuê dài hạn	0.71	0.31	0.47	0.41	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**367**	**311**	**330**	**360**	**387**
Vốn chủ sở hữu	**367**	**311**	**330**	**360**	**387**
Vốn điều lệ	125	125	125	125	125
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)